

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Xóm T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thuỳ Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tấn L và bà Đỗ Thị Thuỳ Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn L và bà Đỗ Thị Thuỳ Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/9/2017 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 30/4/2023 cho bà Đỗ Thị Thuỳ Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Tấn L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu Q và cháu Y đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Tấn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi con chung nếu xét thấy cần thiết, ông L và bà Q có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông Nguyễn Tấn L nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (trong đó nộp 75.000đ án phí của ông L và tự nguyện nộp thay 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Đỗ Thị Thuỳ Q) và ông L nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông L đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 - Khánh Hòa) theo Biên lai thu tiền số 0000452 ngày 16/01/2026; ông L và bà Q đã nộp đủ án phí theo quy định pháp luật.

Quy định: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 3 - Khánh Hòa;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã L, tỉnh Đồng Tháp (trước là UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập QĐ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

